TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ TIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 11/2024/DS-ST Ngày: 13 – 5 – 2024 *"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi"*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thanh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Đình Chiến

2. Bà Trần Thị An

- *Thư ký phiên toà*: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2024, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số16/2024/QĐST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tạ Kim H, sinh năm 1978. Địa chỉ: khu phố X, phường M, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

Bị đơn:

- Ông Phạm Hiền Đ, sinh năm 1981. Địa chỉ: đường L, Khu phố 2, phường B, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt.

- Bà Triệu Ngọc T, sinh năm 1983. Địa chỉ: đường L, Khu phố 2, phường B, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Tạ Kim H trình bày: Ngày 01/3/2022, bà có cho vợ chồng Ông Phạm Hiền Đ và Bà Triệu Ngọc T vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), có làm biên nhận, hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 1,6%/tháng. Sau khi vay ông Đ, bà T góp tiền lãi cho bà 235.000.000 đồng thì không góp nữa. Do ông Đ và bà T không trả lãi đầy đủ nên bà có yêu cầu ông Đ,

bà T thanh toán nợ vay vốn gốc cho bà nhưng ông Đ, bà T không thanh toán. Tính từ ngày 01/3/2022 đến ngày 31/12/2023 là 22 tháng, số tiền lãi ông Đ, bà T phải trả cho bà là 352.000.000 đồng, khấu trừ lãi đã trả thì ông Đ, bà T còn nợ lại bà tiền lãi là 117.000.000 đồng, tổng cộng vốn gốc và lãi là 1.117.000.000 đồng.

Ngoài ra ngày 18/6/2022, bà có khui mở hụi ngày, mỗi phần hụi nếu chưa lĩnh hụi (hụi còn sống) thì góp 95.000 đồng, nếu hụi đã lĩnh xong (hụi chết) thì góp 100.000 đồng. Ông Đ, bà T có tham gia cả 06 dây hụi, mỗi dây 10 phần, tổng cộng là 60 phần hụi. Vào ngày 18/6/2022, bà T và ông Đ bỏ hụi hốt hết 60 phần được số tiền 330.300.000 đồng, ông Đ và bà T góp được 09 ngày (từ ngày 19/6/2022 đến ngày 27/6/2022) được số tiền 54.000.000 đồng thì không góp nữa, còn lại 50 ngày (từ ngày 28/6/2022 đến ngày 16/8/2022) bà phải trả thay cho ông Đ, bà T tiền hụi chết mỗi ngày 6.000.000 đồng/50 phần hụi thành tiền là 300.000.000 đồng để thanh toán cho các hụi viên còn lại đến kết thúc hụi là ngày 16/8/2022. Từ ngày 16/8/2022 đến nay ông Đ, bà T không trả lại cho bà tiền nợ hụi. Ngày 28/6/2022, ông Đ và bà T có ký giấy xác nhận tiền chơi hụi là 300.000.000 đồng. Như vậy ông Đ, bà T còn nợ bà tiền gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi 1,6%/tháng từ ngày 28/6/2022 đến ngày 31/12/2023 là 86.400.000 đồng, tổng cộng là 386.400.000 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và lãi của cả hai khoản tiền vay và hụi tính đến 31/12/2023 mà ông Đ và bà T còn nợ bà là 1.503.400.000 đồng (Một tỷ năm trăm lẻ ba triệu bốn trăm nghìn đồng). Tại phiên tòa bà yêu cầu ông Đ, bà T trả cho bà số tiền vay vốn gốc 1.000.0000.000 đồng và trả lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi xét xử xong, đồng ý khấu trừ tiền lãi đã nhận là 235.000.000 đồng. Đối với tiền nợ hụi bà yêu cầu ông Đ, bà T trả cho bà số tiền vốn gốc và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ thời điểm ông Đ, bà T lĩnh hụi cho đến khi xét xử xong, đồng ý khấu trừ tiền hụi ông Đ, bà T đã trả là 54.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Ông Phạm Hiền Đ và Bà Triệu Ngọc T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do và không trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật của các đương sự: nguyên đơn đã tuân theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Qua các chứng cứ do các đương sự cung cấp, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tạ Kim H buộc bị đơn Ông Phạm Hiền Đ và Bà Triệu Ngọc T trả lại cho nguyên đơn bà H số tiền vay gốc 1.000.000.000 đồng và lãi theo quy định pháp luật, khấu trừ lãi đã nhận 235.000.000 đồng, đồng thời buộc Ông Phạm Hiền Đ và Bà Triệu Ngọc T trả cho bà Tạ Kim H số

tiền nợ hụi vốn gốc và lãi suất theo quy định pháp, khấu trừ tiền hụi đã nhận là 54.000.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu; Buộc bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết của Tòa án và thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn bà Tạ Kim H khởi kiện bị đơn Ông Phạm Hiền Đ và Bà Triệu Ngọc T yêu cầu thanh toán nợ vay, nợ hụi và tiền lãi theo quy định pháp luật. Xét thấy bị đơn ông Đ, bà T cư trú tại khu phố 2, phường Bình San, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Do đó, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn Ông Phạm Hiền Đ và Bà Triệu Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, bà T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện: Ngày 28/5/2022, bà Tạ Kim H có cho vợ chồng Ông Phạm Hiền Đ và Bà Triệu Ngọc T vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Sau khi vay ông Đ, bà T có trả tiền lãi nhưng không đầy đủ và cũng không thanh toán tiền vốn cho bà H. Ngoài ra, ông Đ và bà T có tham gia 60 phần hụi do bà H làm chủ, sau khi đặt lãi hốt 60 phần hụi được số tiền 330.300.000 đồng thì ông Đ, bà T chỉ góp hụi cho bà H được 09 ngày với số tiền 54.000.000 đồng (60 phần x 100.000đ x 9 ngày) sau đó không góp nữa, bà H phải trả thay ông Đ, bà T 50 ngày hụi còn lại là 300.000.000 đồng (60 x 100.000 đ x 50 ngày), hiện nay hụi đã kết thúc. Đến nay ông Đ, bà T không thanh toán cho bà H nợ vay gốc và nợ hụi nên phát sinh tranh chấp.

Xét hợp đồng vay tiền và hợp đồng góp hụi giữa bà Tạ Kim H với Ông Phạm Hiền Đ, Bà Triệu Ngọc T là sự thỏa thuận của các đương sự, các bên có lập biên nhận viết tay ngày 01/3/2022 và ngày 28/6/2022, có chữ ký của Ông Phạm Hiền Đ và Bà Triệu Ngọc T, phù hợp với quy định tại 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 về họ, hụi, biêu,

phường. Sau khi vay tiền và lĩnh hụi ông Đ, bà T không thực hiện thanh toán tiền lãi và vốn gốc đầy đủ nên bà H nhiều lần yêu cầu ông Đ, bà T thanh toán nợ nhưng ông Đ, bà T không thực hiện. Quá trình giải quyết vụ án Ông Phạm Hiền Đ, Bà Triệu Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ, đã được tống đạt và nhận đầy đủ văn bản tố tụng của Tòa nhưng không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy ông bà cũng đã được biết việc bà H khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ vay và nợ hụi. Căn cứ vào biên nhận ngày 01/3/2022, ngày 28/6/2022 và lời trình bày của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, cần buộc ông Đ và bà T thanh toán tiền nợ vay và nợ hụi, cùng lãi suất theo quy định pháp luật. Cụ thể đối với từng khoản nợ như sau:

Đối với hợp đồng vay số tiền vốn gốc 1.000.000.000 đồng: Biên nhận vay tiền ngày 01/3/2022 không ghi thời hạn trả nợ nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn theo Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015. Biên nhận không thể hiện lãi suất thỏa thuận giữa các bên, bà H cho rằng hai bên có thỏa thuận miệng mức lãi suất là 1,6%/tháng, từ ngày 01/3/2022 đến ngày 31/12/2023 là 22 tháng, số tiền lãi ông Đ, bà T phải trả cho bà là 352.000.000 đồng. Nhưng ông Đ, bà T chỉ trả tiền lãi cho bà được 235.000.000 đồng thì không trả nữa, nên ông Đ, bà T còn nợ lại bà tiền lãi là 117.000.000 đồng. Quá trình tố tụng tại Tòa án do ông Đ, bà T không có ý kiến về số nợ gốc và lãi, ngoài ra tại biên nhận ngày 01/3/2022 cũng không ghi nhận lãi suất cho vay là bao nhiêu. Do đó, Hội đồng xét xử xác định trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 xác định mức lãi suất là 10%/năm để tính tiền lãi trên số tiền vay vốn gốc từ thời điểm vay là ngày 01/3/2022 đến thời điểm xét xử ngày 13/5/2024 là 26 tháng 12 ngày, thành tiền là 220.000.000 đồng. Bà H trình bày ông Đ, bà T đã thanh toán cho bà 235.000.000 đồng, do đó số tiền ông Đ, bà T đã trả cho bà H vượt quá số tiền lãi theo quy định pháp luật nên được khấu trừ vào tiền vay vốn gốc 1.000.000.000 đồng. Do đó, cần buộc Ông Phạm Hiền Đ và Bà Triệu Ngọc T phải thanh toán cho bà Tạ Kim H số tiền vay còn nợ lại là 985.000.000 đồng (chín trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Đối với hợp đồng góp hụi: Bà Tạ Kim H làm chủ hụi có mở 06 dây hụi vào ngày 18/6/2022, loại hụi góp theo ngày, mỗi phần hụi nếu còn sống thì góp 95.000 đồng, nếu hụi chết góp 100.000 đồng, thành viên hốt phần hụi phải trả hoa hồng cho chủ hụi mỗi phần hụi 100.000 đồng nên đây là hụi có lãi và có hoa hồng. Ông Đ, bà T có tham gia 60 phần hụi trong 06 dây hụi này, mỗi dây hụi tham gia 10 phần, trong ngày 18/6/2022 ông Đ, bà T trả lãi 5.000 đồng/phần hụi, hốt hết 60 phần hụi được số tiền 330.300.000 đồng. Sau đó ông Đ, bà T chỉ góp hụi cho bà H được 09 ngày (từ ngày 19/6/2022 đến ngày 27/6/2022) được 54.000.000 đồng (60 phần x 100.000đ x 9 ngày) thì ngưng không góp nữa nên bà H phải góp tiền thay ông Đ, bà

T cho đến kết thúc hụi (từ ngày 28/6/2022 đến ngày 16/8/2022) là 50 ngày với số tiền 300.000.000 đồng (60 x 100.000 đ x 50 ngày). Tại phiên tòa bà H yêu cầu ông Đ, bà T trả lại cho bà số tiền nợ hụi và tính lãi suất theo quy định từ ngày kết thúc hụi (ngày 16/8/2022) cho đến khi xét xử. Biên nhận ngày 28/6/2022 bà H cung cấp không thể hiện số tiền hụi ông Đ, bà T còn nợ bà H là 300.000.000 đồng mà thể hiện nội dung ông Đ, bà T có tham gia chơi hụi của bà H. Xét thấy hợp đồng góp hụi giữa bà H với thành viên tham gia hụi là ông Đ, bà T là sự tự nguyện thoả thuận giữa các bên, trong đó bà H đã thực hiện nghĩa vụ của chủ hụi là giao đủ số tiền lĩnh hụi và giao đúng kỳ hạn cho thành viên, nộp thay ông Đ, bà T 50 ngày còn lại (từ ngày 28/6/2022 đến ngày 16/8/2022) với số tiền 300.000.000 đồng (60 x 100.000 đ x 50 ngày) do ông Đ, bà T không góp theo quy định tại Điều 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 về họ, hụi, biêu, phường. Ông Đ, bà T đã vi phạm nghĩa vụ của thành viên theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP nên ông bà phải thực hiện trách nhiệm của thành viên không góp phần họ được quy định tại Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP. Do đó cần buộc ông Đ, bà T thanh toán khoản tiền hụi và trả lãi đối với số tiền chậm góp họ theo Điều 22 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP quy định về lãi suất trong trường hợp chậm góp, chậm giao phần họ như sau: "*Trường hợp họ có lãi, lãi suất được xác định theo mức quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự đối với họ có lãi".* Khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định:*"5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này".* Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định:*"Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.* Như vậy, ông Đ, bà T phải chịu lãi từ ngày lĩnh hụi cho đến kết thúc dây hụi là 7.675.000 đồng, lãi chậm trả từ ngày kết thúc dây hụi 16/8/2022 đến ngày xét xử là 20 tháng 27 ngày là 48.122.250 đồng. Do đó, cần buộc Ông Phạm Hiền Đ, Bà Triệu Ngọc T trả cho bà Tạ Kim H số tiền nợ hụi vốn gốc là 276.300.000 đồng, tiền lãi và lãi chậm trả là 55.797.250 đồng, tổng cộng là 332.097.250 đồng (ba trăm ba mươi hai triệu không trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Tổng cộng Ông Phạm Hiền Đ, Bà Triệu Ngọc T phải trả cho bà Tạ Kim H tiền vay và tiền hụi là 1.317.097.250 đồng (Một tỷ ba trăm mười bảy triệu không trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng). Trong đó tiền gốc là 1.261.300.000 đồng (Một tỷ hai trăm sáu mươi mốt triệu ba trăm nghìn đồng), tiền lãi là 55.797.250 đồng (năm mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 186.302.750 đồng (Một trăm tám mươi sáu triệu ba trăm lẻ hai nghìn bảy trăm năm mươi đồng), do nguyên đơn rút yêu cầu.

[4] Về án phí: Ông Phạm Hiền Đ và Bà Triệu Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thi hành theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tạ Kim H đối với bị đơn Ông Phạm Hiền Đ và Bà Triệu Ngọc T.

Buộc Ông Phạm Hiền Đ và Bà Triệu Ngọc T phải thanh toán cho bà Tạ Kim H số tiền 1.317.097.250 đồng (Một tỷ ba trăm mười bảy triệu không trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng). Trong đó tiền gốc là 1.261.300.000 đồng (Một tỷ hai trăm sáu mươi mốt triệu ba trăm nghìn đồng), tiền lãi là 55.797.250 đồng (năm mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Kim H đối với số tiền 186.302.750 đồng (Một trăm tám mươi sáu triệu ba trăm lẻ hai nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

3. Về án phí: Ông Phạm Hiền Đ và Bà Triệu Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 51.512.918 đồng (Năm mươi mốt triệu năm trăm mười hai nghìn chín trăm mười tám đồng).

Trả lại cho bà Tạ Kim H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.551.000 đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm năm mươi mốt nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0001660 ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Tạ Kim H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn Ông Phạm Hiền Đ và Bà Triệu Ngọc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP.Hà Tiên;
- Chi cục THADS TP. Hà Tiên;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Phương